

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10/8/2022

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con  
chung giữa chị L và anh C”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Ngọc Túy

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ L số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình C sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt chị L; vắng mặt anh C)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình C tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 15/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh C. Quá trình chung sống đến tháng 7/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, anh C không tu chí làm ăn, không quan

tâm đến gia đình, vợ, con, có lần vợ chồng mâu thuẫn anh C có đánh đập, hành hạ chị. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10/2021, chị đã bỏ về thôn Đ, xã A, huyện P sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Đình K sinh ngày 26/8/2014 và Nguyễn Diệu N sinh ngày 20/4/2017. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con N, chị đề anh C trực tiếp nuôi dưỡng con K. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Nguyễn Đình C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.***

*Kết quả xác minh với bà Nguyễn Thị M sinh năm 1967 (là mẹ đẻ anh C) và cơ sở Thôn M, xã Q thấy:* Anh Nguyễn Đình C và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, gia đình và cơ sở thôn không biết rõ chỉ biết do anh C nghi ngờ chị L không chung thủy, có lần vợ chồng mâu thuẫn anh C đã đánh đập chị L. Từ tháng 10/2021 chị L không sinh sống tại gia đình anh C nữa. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh C gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh C có 02 con chung là Nguyễn Đình K sinh ngày 26/8/2014, hiện đang ở với anh C cùng ông bà nội và Nguyễn Diệu N sinh ngày 20/4/2017, hiện đang ở với chị L. Nếu Tòa án giải quyết cho L và anh C ly hôn đề nghị Tòa án giao con Kiên cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Ngọc cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Gia đình và cơ sở thôn không biết rõ về tài sản của chị L và anh C.

*Cháu Nguyễn Đình K là con chung của chị L và anh C khai:* Cháu là Nguyễn Đình K sinh ngày 26/8/2014, là con bố Nguyễn Đình C và mẹ Nguyễn Thị L, hiện cháu đang ở với bố và ông bà nội. Bố và ông bà chăm sóc cháu rất chu đáo. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố cháu.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình C; Về con chung: giao con chung Nguyễn Đình K sinh ngày 26/8/2014 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Diệu N sinh ngày 20/4/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Đình C. Do anh C là bị đơn cư trú tại Thôn M, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình C xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình cấp đăng ký kết hôn số 25 ngày 15/4/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 7/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, anh C không tu chí làm ăn, anh C nghi ngờ chị L không chung thủy. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10/2021, chị L đã bỏ về Thôn Đ, xã A sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin ly hôn anh C. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh C không có mặt, anh C không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình C có 02 con chung là Nguyễn Đình K sinh ngày 26/8/2014 và Nguyễn Diệu N sinh ngày 20/4/2017. Ly hôn, chị L nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con N, chị đề anh C trực tiếp nuôi dưỡng con K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét nguyện vọng, ý kiến về việc nuôi con của chị L thấy rằng, các con chung đang được anh chị chăm sóc chu đáo, cả hai đều có điều kiện nuôi con ngang nhau. Cháu K giới tính nam đang ở với anh C, lại có nguyện vọng ở với anh C, cháu N nhỏ hơn lại là nữ, ở độ tuổi cần quan tâm chăm sóc của mẹ, lại đang ở với chị L. Để không ảnh hưởng đến việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung cần giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay, giao con K cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con N cho chị L nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là đáp ứng được nguyện vọng của con chung, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Đình C không có ý kiến gì nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

2.Về nuôi con chung: Xử giao con chung Nguyễn Đình K sinh ngày 26/8/2014 cho anh Nguyễn Đình C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Diệu N sinh ngày 20/4/2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số 0004661 ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đình C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Nơi ĐKKH:UBND xã Q, h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Duyên**  
(Đã ký)